

Số: 610 TB-BVTTHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá thuê phần mềm quản lý bệnh viện

Dự toán: Thuê phần mềm quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Kính gửi: Các nhà thầu.

Bệnh viện Tâm thần Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá làm cơ sở thuê phần mềm quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Tâm thần Hà Nội. (Có danh mục kèm theo).

Bằng thông báo này, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội thông báo mời các nhà thầu có đủ năng lực tham gia chào giá **thuê phần mềm quản lý bệnh viện** thuộc dự toán: **Thuê phần mềm quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Tâm thần Hà Nội**

- Yêu cầu hồ sơ chào giá/báo giá gồm:

+ Bảng chào giá/ báo giá hoặc giấy tờ tương đương (thời gian có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày)

+ Hồ sơ năng lực (Có đăng kí kinh doanh hợp lệ)

+ Hồ sơ được đặt trong phong bì kín, có thông tin của đơn vị chào giá.

+ Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 36 tháng.

+ Thanh toán 06 tháng/lần bằng 100% theo khối lượng công việc nghiệm thu bàn giao thực tế trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành nghiệm thu bàn giao và cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định.

- Cách thức nhận báo giá:

+ Nhận báo giá trực tiếp

+ Nhận báo giá qua đường bưu điện

Mọi thông tin gửi về Phòng KHTH - Bệnh viện Tâm thần Hà Nội. Địa chỉ: Ngõ 467, đường Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội.

Liên hệ: Đ/c Đỗ Văn Thắng - SĐT: 0912593825

- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 11 tháng 10 năm 2024 đến ngày 17 tháng 10 năm 2024 (Trong giờ hành chính). Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được chấp nhận.

Nơi nhận: 

- BGĐ (để báo cáo);
- Các nhà thầu;
- KHTH (đăng website)
- Lưu VT, KHTH.



PHỤ LỤC

CÁC PHÂN HỆ CHÍNH PHẦN MỀM QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

(Kèm theo thông báo số: 610/TB-BVTTHN, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc Bệnh Tâm thần Hà Nội)

| STT | Phân hệ chức năng | ĐVT | SL |
|----------|--|---------|----|
| I | Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS, LIS) | | |
| 1 | Phân hệ đăng ký khám chữa bệnh | Phân hệ | 01 |
| 2 | Phân hệ khám bệnh | Phân hệ | 01 |
| 3 | Phân hệ nội trú | Phân hệ | 01 |
| 4 | Phân hệ phẫu thuật – thủ thuật | Phân hệ | 01 |
| 5 | Phân hệ cận lâm sàng chẩn đoán hình ảnh | Phân hệ | 01 |
| 6 | Phân hệ cận lâm sàng xét nghiệm | Phân hệ | 01 |
| 7 | Phân hệ quản lý dược | Phân hệ | 01 |
| 8 | Phân hệ quản lý viện phí | Phân hệ | 01 |
| 9 | Phân hệ kế hoạch tổng hợp | Phân hệ | 01 |
| 10 | Phân hệ quản lý buồng bệnh, giường bệnh | Phân hệ | 01 |
| 11 | Phân hệ BHYT | Phân hệ | 01 |
| 12 | Phân hệ quản trị - hệ thống | Phân hệ | 01 |
| 13 | Phân hệ quản lý danh mục: - Nhóm danh mục thanh toán - Nhóm danh mục BHYT - Nhóm danh mục khoa phòng - Nhóm danh mục phẫu thuật - Nhóm tai nạn thương tích, tử vong - Nhóm danh mục Dược, vật tư - Nhóm Danh mục hành chính - Nhóm Danh mục khác | Phân hệ | 01 |
| 14 | Phân hệ báo cáo – thống kê: - Báo cáo chi phí khám chữa bệnh - Báo cáo hành chính & CLS - Báo cáo dược - Báo cáo | Phân hệ | 01 |
| 15 | Kết nối với hoá đơn điện tử | Phân hệ | 01 |
| 16 | Kết nối hoặc tích hợp với LIS | Phân hệ | 01 |

NH
4 VIỆN
THÁ
NỘI

| | | | |
|-----------|---|---------|----|
| 17 | Phân hệ kết nối Kiosk tự đăng ký | Phân hệ | 01 |
| 18 | Phân hệ kết nối ngân hàng thanh toán không tiền mặt | Phân hệ | 01 |
| 19 | Các chức năng tiện ích hỗ trợ giảm xuất toán BHYT | Phân hệ | 01 |
| 20 | Phân hệ quản lý đồ vải | Phân hệ | 01 |
| 21 | Phân hệ hàng đợi | Phân hệ | 01 |
| 22 | Phân hệ Nhà thuốc | Phân hệ | 01 |
| II | Phần mềm xử lý và lưu trữ hình ảnh (PACS) | | |
| 1 | Phân hệ kết nối | Phân hệ | 01 |
| 1.1 | Modul kết nối hai chiều với HIS | | |
| 1.2 | Modul kết nối hai chiều với Thiết bị | | |
| 1.3 | Modul kết nối với các hệ thống PACS khác | | |
| 1.4 | Modul kết nối với các hệ thống AI | | |
| 1.5 | Modul kết nối thiết bị qua mạng internet | | |
| 1.6 | Modul kết nối ký số | | |
| 1.7 | Modul kết nối với EMR | | |
| 2 | Phân hệ RIS | Phân hệ | 01 |
| 2.1 | Quản trị hệ thống | | |
| 2.2 | Quản trị người dùng | | |
| 2.3 | Quản lý danh mục dịch vụ kỹ thuật | | |
| 2.4 | Quản lý kết quả mẫu kết quả chẩn đoán | | |
| 2.5 | Quản lý thông tin kết nối thiết bị | | |
| 2.6 | Quản lý thông tin bệnh nhân | | |
| 2.7 | Quản lý thông tin chỉ định | | |
| 2.8 | Quản lý ca chụp | | |
| 2.9 | Hiển thị danh sách, thông tin ca chụp | | |
| 2.10 | Quản lý lịch sử chiếu chụp | | |
| 2.11 | Quản lý giao diện cá nhân hóa | | |
| 2.12 | Quản lý, biên tập dữ liệu cá nhân | | |
| 2.13 | Phân quyền truy cập các ca chụp theo từng máy chụp riêng biệt | | |
| 2.14 | Trả kết quả ca chụp | | |
| 2.15 | Quản lý kết quả ca chụp | | |
| 2.16 | In riêng hình ảnh bệnh lý kết quả chẩn đoán | | |
| 2.17 | Đồng bộ dữ liệu hai chiều với HIS | | |

| | | | |
|------|---|---------|----|
| 3.19 | Chức năng xử lý tự động chế độ hình ảnh 2D phục vụ chẩn đoán | | |
| 3.20 | Chức năng đo ở chế độ hình ảnh 2D phục vụ chẩn đoán | | |
| 3.21 | Hiển thị thông tin ảnh | | |
| 3.22 | Chế độ so sánh, đồng bộ ảnh theo series | | |
| 3.23 | Dựng ảnh ở chế độ đa bình diện MPR (Multiplanar reconstructions) | | |
| 3.24 | Dựng ảnh ở chế độ đa bình diện cong CPR (Curveplanar reconstructions) | | |
| 3.25 | Dựng ảnh chế độ VRT (volume rendering) cơ bản | | |
| 3.26 | Dựng ảnh chế độ 3D VR (volume rendering) theo chế độ dựng sẵn | | |
| 3.27 | Dựng ảnh chế độ VRT (volume rendering) phục vụ chẩn đoán | | |
| 3.28 | Dựng ảnh chế độ 3D Endo giả lập nội soi | | |
| 3.29 | Hỗ trợ chẩn đoán nâng cao | | |
| 3.30 | So sánh ca chụp nâng cao trên mặt phẳng MPR | | |
| 3.31 | Tạo ảnh bệnh lý nâng cao | | |
| 3.32 | Xử lý hình ảnh trên thiết bị di động | | |
| 3.33 | Trả kết quả trên PACS bằng video | | |
| 3.34 | Tái tạo hình ảnh Y học hạt nhân Fusion | | |
| 3.35 | Chức năng xử lý ảnh Mammo | | |
| 3.36 | Chức năng xử lý ảnh DSA | | |
| 3.37 | Chức năng xử lý ảnh Giải phẫu bệnh | | |
| 3.38 | In ảnh DICOM trên PACS | | |
| 3.39 | Kết nối thiết bị Non-DICOM | | |
| 3.40 | Chức năng trả kết quả Non-DICOM | | |
| 3.41 | Chức năng đăng ký hội chẩn ca chụp | | |
| 3.42 | Chức năng hội chẩn ca chụp | | |
| 4 | Phân hệ Portal | Phân hệ | 01 |
| 4.1 | Quản lý tài khoản bệnh nhân | | |
| 4.2 | Tra cứu kết quả chiếu chụp của bệnh nhân | | |
| 4.3 | Chức năng xem và quản lý dữ liệu chiếu chụp của bệnh nhân | | |



| | | | |
|------|---|---------|----|
| 2.18 | Chia sẻ toàn bộ ca chụp và lịch sử chiếu chụp của bệnh nhân | | |
| 2.19 | Quản lý chữ ký số người dùng | | |
| 2.20 | Thống kê, báo cáo | | |
| 2.21 | Quản lý mẫu kết quả thông minh | | |
| 2.22 | Trả kết quả chuyên sâu bốn cấp độ | | |
| 2.23 | Quản lý hiệu năng làm việc của Bác sĩ | | |
| 2.24 | Quản lý, theo dõi trạng thái ca chụp | | |
| 2.25 | Trả kết quả ca chụp nâng cao | | |
| 2.26 | Phân quyền người dùng | | |
| 2.27 | Quản lý chia sẻ, hội chẩn ca chụp | | |
| 2.28 | Kết nối với các hệ thống PACS khác | | |
| 2.29 | Kết nối với các hệ thống AI | | |
| 2.30 | Biên tập mẫu kết quả cá nhân | | |
| 2.31 | Hỗ trợ RIS trên mobile | | |
| 3 | Phân hệ PACS | Phân hệ | 01 |
| 3.1 | Quản lý, theo dõi hệ thống | | |
| 3.2 | Quản lý Log hệ thống | | |
| 3.3 | Quản lý dịch vụ DICOM-Storage | | |
| 3.4 | Quản lý dịch vụ DICOM-Worklist | | |
| 3.5 | Quản lý dịch vụ DICOM-Query | | |
| 3.6 | Quản lý dịch vụ MPPS | | |
| 3.7 | Thu nhận hình ảnh từ máy chụp | | |
| 3.8 | Xử lý hình ảnh lưu trữ | | |
| 3.9 | Nén hình ảnh | | |
| 3.10 | Quản lý lưu trữ dữ liệu | | |
| 3.11 | Quản lý kết nối máy sinh ảnh | | |
| 3.12 | Quản lý lịch sử truyền tải, gửi nhận hình ảnh | | |
| 3.13 | Quản lý dịch vụ in ảnh | | |
| 3.14 | Quản lý kết nối với các hệ thống PACS khác | | |
| 3.15 | Quản lý, bảo mật dữ liệu Y khoa | | |
| 3.16 | Chức năng điều khiển chế độ cửa sổ hiển thị hình ảnh | | |
| 3.17 | Công cụ điều khiển hướng hiển thị hình ảnh | | |
| 3.18 | Chức năng xử lý cơ bản hình ảnh 2D phục vụ chẩn đoán | | |